BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG CĐ CÔNG NGHỆ VÀ QTDN PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

# BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2019-2020

**Môn học : Interpreting 2 - MH1105015**

**Mã lớp học phần: MH110501501** **Số tín chỉ: 2**

**Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh - (05027)**

**Ngày thi:** 6.1.20 **Giờ thi:** 3 giờ 00 **Phòng thi:** A 09

Giám thị 1: Trần T. Kiều Hạnh Ký tên:

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Chữ ký | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 1810100102 | Đường Ngọc Bảo | **Anh** | 06/08/2000 | | 6,75 | Sáu bảy lăm | C20TA | |
| 2 | 1810130003 | Lý Ngọc | **Anh** | 03/10/1999 | | 8 | Tám | C20TA | |
| 3 | 1810130013 | Lâm Thảo | **Duy** | 24/05/2000 | | 4 | Bốn | C20TA | Nợ HP |
| 4 | 1810100110 | Phan Trần Ý | **Duyên** | 04/07/2000 | | 6.5 | Sáu rưỡi | C20TA | |
| 5 | 1810130027 | Nguyễn Trung | **Hiếu** | 11/10/1992 | | 7,5 | Bảy rưỡi | C20TA | |
| 6 | 1810130006 | Thang Hồ | **Huy** | 14/03/2000 | | 4 | Bốn | C20TA | |
| 7 | 1810130023 | Nguyễn Lê Thiên | **Long** | 17/01/2000 | | 5 | Năm | C20TA | |
| 8 | 1810130009 | Nguyễn Tuyết | **Mai** | 09/01/2000 | | 4 | Bốn | C20TA | |
| 9 | 1810130026 | Quảng Thị Kim | **Ngân** | 14/01/2000 | | 3,75 | Ba Bảy lăm | C20TA | |
| 10 | 1810100114 | Trần Chân | **Nghĩa** | 29/05/1998 | | 5,5 | Năm rưỡi | C20TA | |
| 11 | 1810130016 | Nguyễn Thị Thảo | **Nguyên** | 14/07/2000 | | 2,5 | Hai rưỡi | C20TA | |
| 12 | 1810130024 | Nguyễn Lê Vinh | **Quang** | 14/08/1997 | | 6 | Sáu | C20TA | |
| 13 | 1810130001 | Nguyễn Phạm Thanh | **Sang** | 24/10/1998 | | 3,5 | Ba rưỡi | C20TA | |
| 14 | 1810130010 | Nguyễn Ngọc | **Thanh** | 10/11/2000 | | 6 | Sáu | C20TA | Nợ HP |
| 15 | 1810130004 | Ngô Thị Thủy | **Tiên** | 12/03/2000 | | 7 | Bảy | C20TA | |
| 16 | 1810130018 | Huỳnh Chu Huyền | **Trinh** | 18/03/2000 | | 5 | Năm | C20TA | |
| 17 | 1810130012 | Đặng Lê Cẩm | **Tú** | 09/12/2000 | | 3 | Ba | C20TA | |
| 18 | 1810130002 | Đỗ Khánh | **Vy** | 25/08/1999 | | 6 | Sáu | C20TA | |
| 19 | 1810130025 | Nguyễn Như | **Ý** | 02/08/2000 | | 5 | Năm | C20TA | |

***Lưu ý:*** *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

**Tổng số sinh viên dự thi :** 19 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 19 /_____.

**Số sinh viên đạt/không đạt:**_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**____,____**%**

*Ngày* 21 *tháng* 5 *năm* 2020

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

*Ngày* 18 *tháng* 5 *năm* 2020

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kiều Hạnh

Ngày in: 14:39 14/05/2020

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2019-2020

**Môn học : Interpreting 2 - MH1105015**

**Mã lớp học phần: MH110501501** **Số tín chỉ: 2**

**Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh - (05027)**

**Ngày thi:** 13.4.20 **Giờ thi:** 3:00 **Phòng thi:** A.09

Giám thị 1: Trần thị kiều hạnh Ký tên:

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Chữ ký | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 1810100102 | Đường Ngọc Bảo | **Anh** | 06/08/2000 | | 5 | Năm | C20TA | |
| 2 | 1810130003 | Lý Ngọc | **Anh** | 03/10/1999 | | 4.5 | Bốn rưỡi | C20TA | |
| 3 | 1810130013 | Lâm Thảo | **Duy** | 24/05/2000 | | 6.5 | Sáu rưỡi | C20TA | Nợ HP |
| 4 | 1810100110 | Phan Trần Ý | **Duyên** | 04/07/2000 | | 5.5 | Năm rưỡi | C20TA | |
| 5 | 1810130027 | Nguyễn Trung | **Hiếu** | 11/10/1992 | | 8.5 | Tám rưỡi | C20TA | |
| 6 | 1810130006 | Thang Hồ | **Huy** | 14/03/2000 | | 6 | Sáu | C20TA | |
| 7 | 1810130023 | Nguyễn Lê Thiên | **Long** | 17/01/2000 | | 5 | Năm | C20TA | |
| 8 | 1810130009 | Nguyễn Tuyết | **Mai** | 09/01/2000 | | 6 | Sáu | C20TA | |
| 9 | 1810130026 | Quảng Thị Kim | **Ngân** | 14/01/2000 | | 6.5 | Sáu rưỡi | C20TA | |
| 10 | 1810100114 | Trần Chân | **Nghĩa** | 29/05/1998 | | 8.5 | Tám rưỡi | C20TA | |
| 11 | 1810130016 | Nguyễn Thị Thảo | **Nguyên** | 14/07/2000 | | 7.5 | Bảy rưỡi | C20TA | |
| 12 | 1810130024 | Nguyễn Lê Vinh | **Quang** | 14/08/1997 | | 5 | Năm | C20TA | |
| 13 | 1810130001 | Nguyễn Phạm Thanh | **Sang** | 24/10/1998 | | 6.5 | Sáu rưỡi | C20TA | |
| 14 | 1810130010 | Nguyễn Ngọc | **Thanh** | 10/11/2000 | | 7.5 | Bảy rưỡi | C20TA | Nợ HP |
| 15 | 1810130004 | Ngô Thị Thủy | **Tiên** | 12/03/2000 | | 5.5 | Năm rưỡi | C20TA | |
| 16 | 1810130018 | Huỳnh Chu Huyền | **Trinh** | 18/03/2000 | | 5 | Năm | C20TA | |
| 17 | 1810130012 | Đặng Lê Cẩm | **Tú** | 09/12/2000 | | 7 | Bảy | C20TA | |
| 18 | 1810130002 | Đỗ Khánh | **Vy** | 25/08/1999 | | 5 | Năm | C20TA | |
| 19 | 1810130025 | Nguyễn Như | **Ý** | 02/08/2000 | | 5 | Năm | C20TA | |

***Lưu ý:*** *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

**Tổng số sinh viên dự thi :** 19 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 19 /_____.

**Số sinh viên đạt/không đạt:**_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**____,____**%**

*Ngày* 21 *tháng* 5 *năm* 2020

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

*Ngày* 18 *tháng* 5 *năm* 2020

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kiều Hạnh

Ngày in: 14:39 14/05/2020

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

# BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2019-2020

**Môn học : Interpreting 2 - MH1105015**
**Mã lớp học phần: MH110501501** **Số tín chỉ: 3**
**Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh**
**Ngày thi: 08/06/2020** **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: A1.8**

Giám thị 1: Lê Trung Sang Ký tên:
Giám thị 2: Châu Lê Sơn Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 1810100102 | Đường Ngọc Bảo | Anh | 06/08/2000 | | 1 | 7,5 | Bảy rưỡi | C20TA | |
| 2 | 1810130003 | Lý Ngọc | Anh | 03/10/1999 | | 1 | 3 | Ba | C20TA | |
| 3 | 1810130013 | Lâm Thảo | Duy | 24/05/2000 | | 1 | 8 | Tám | C20TA | |
| 4 | 1810100110 | Phan Trần Ý | Duyên | 04/07/2000 | | 1 | 7,5 | Bảy rưỡi | C20TA | |
| 5 | 1810130027 | Nguyễn Trung | Hiếu | 11/10/1992 | | 1 | 8,5 | Tám rưỡi | C20TA | |
| 6 | 1810130006 | Thang Hồ | Huy | 14/03/2000 | | 1 | 5 | Năm | C20TA | |
| 7 | 1810130023 | Nguyễn Lê Thiên | Long | 17/01/2000 | | 1 | 5 | Năm | C20TA | |
| 8 | 1810130009 | Nguyễn Tuyết | Mai | 09/01/2000 | | 1 | 7 | Bảy | C20TA | |
| 9 | 1810130026 | Quảng Thị Kim | Ngân | 14/01/2000 | | 1 | 5 | Năm | C20TA | |
| 10 | 1810100114 | Trần Chân | Nghĩa | 29/05/1998 | | 1 | 5 | Năm | C20TA | |
| 11 | 1810130016 | Nguyễn Thị Thảo | Nguyên | 14/07/2000 | | | | | C20TA | Vắng |
| 12 | 1810130024 | Nguyễn Lê Vinh | Quang | 14/08/1997 | | 1 | 6 | Sáu | C20TA | |
| 13 | 1810130001 | Nguyễn Phạm Thanh | Sang | 24/10/1998 | | 1 | 6,5 | Sáu rưỡi | C20TA | |
| 14 | 1810130010 | Nguyễn Ngọc | Thanh | 10/11/2000 | | 1 | 8,5 | Tám rưỡi | C20TA | |
| 15 | 1810130004 | Ngô Thị Thủy | Tiên | 12/03/2000 | | 1 | 5 | Năm | C20TA | |
| 16 | 1810130018 | Huỳnh Chu Huyền | Trinh | 18/03/2000 | | 1 | 5,5 | Năm rưỡi | C20TA | |
| 17 | 1810130012 | Đặng Lê Cẩm | Tú | 09/12/2000 | | 1 | 4,5 | Bốn rưỡi | C20TA | |
| 18 | 1810130002 | Đỗ Khánh | Vy | 25/08/1999 | | 1 | 8 | Tám | C20TA | |
| 19 | 1810130025 | Nguyễn Như | Ý | 02/08/2000 | | 1 | 5 | Năm | C20TA | |

***Lưu ý:*** *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
*- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.*

**Tổng số sinh viên dự thi :** 17+1 **vắng thi:** 1 **. Số bài thi/Số tờ:** 17+1 / 17+1.
**Số sinh viên đạt:** 17 **Tỷ lệ đạt:** %

*Ngày* 22 *tháng* 6 *năm* 2020
**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

*Ngày* 12 *tháng* 6 *năm* 2020
**GIÁO VIÊN CHẤM THI**
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kiều Hạnh